

Số: 69837 / CT-TTHT  
V/v CST ưu đãi thuế TNDN

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Kai Việt Nam  
(Địa chỉ: Lô I-1&2 KCN Thăng Long, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội.  
MST: 0101640750)

Trả lời công văn số 040618/CV đề ngày 04/06/2018 và công văn số 060718/CV đề ngày 6/7/2018 của Công ty TNHH Kai Việt Nam hỏi về chính sách ưu đãi thuế TNDN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 8 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13, ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

*“4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng quy định tại khoản này bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.*

*Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:*

*a) Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ hai mươi tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này hoặc từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;*

*b) Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi đầu tư;*

*c) Công suất thiết kế tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi đầu tư.*

*Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế theo quy định của Luật này mà không đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì áp dụng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có).*

*Trường hợp doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế theo diện đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng*

xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh.

Ưu đãi thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”

- Căn cứ Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TNDN quy định thời hạn áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi được quy định như sau:

a) Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% được áp dụng trong 15 năm, kể từ khi hợp tác xã và cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh;

b) Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% được áp dụng trong 12 năm, kể từ khi hợp tác xã và cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh;

...

Sau thời hạn áp dụng mức thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này, hợp tác xã và cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 28%.”

- Căn cứ Nghị định 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003:

+ Tại Khoản 3 Điều 1 bổ sung thêm điểm e vào khoản 1 Điều 35 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 như sau:

“e) Thuế suất 20% đối với cơ sở dịch vụ mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Công nghiệp;

...

Thuế suất 15% đối với cơ sở dịch vụ mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Chế xuất; cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Công nghiệp;

Thuế suất 10% đối với cơ sở kinh doanh phát triển hạ tầng mới thành lập từ dự án đầu tư phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất; doanh nghiệp chế xuất mới thành lập trong lĩnh vực sản xuất không phân biệt trong hay ngoài Khu Chế xuất.”

+ Tại Khoản 3 Điều 1 bổ sung thêm khoản 13 vào Điều 36 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 như sau:

“13. Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất:

...

b) Được miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với cơ sở dịch vụ mới thành lập từ dự

án đầu tư thực hiện trong Khu Chế xuất, cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Công nghiệp;

c) Được miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh phát triển hạ tầng mới thành lập từ dự án đầu tư phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất; doanh nghiệp chế xuất trong lĩnh vực sản xuất không phân biệt trong hay ngoài Khu Chế xuất.”

- Căn cứ Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN quy định:

“3. Cơ sở kinh doanh đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại các Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003, số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại. Trường hợp mức ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đang được hưởng thấp hơn mức ưu đãi quy định tại Nghị định này thì cơ sở kinh doanh được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này cho thời gian còn lại.”

- Căn cứ Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Tại Điểm d Khoản 2 Mục IV phần E quy định về mức và thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

“2. Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại như sau:

...d) Miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

...Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập.”

+ Tại Điểm 6 Phần H quy định:

“6. Cơ sở kinh doanh đang hưởng miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC và Thông tư số 88/2004/TT-BTC, theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp tiếp tục hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế cho thời gian còn lại. Trường hợp thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đang hưởng thấp hơn thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định tại Thông tư này thì cơ sở kinh doanh hưởng thời gian miễn thuế, giảm thuế theo qui định tại Thông tư này cho thời gian ưu đãi còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2007”

- Căn cứ điểm 53 Mục VIII Phần B Phụ lục A Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

*“53. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.”*

- Căn cứ điểm 55 Phụ lục B Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

STT	Tỉnh	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn
55	Địa bàn khác	Các khu công nghệ cao, khu kinh tế hưởng ưu đãi theo Quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ	Các khu công nghiệp được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định:

*“Điều 2. Điều khoản thi hành*

*...2. Doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2012 do thực hiện cam kết WTO được lựa chọn để tiếp tục hưởng ưu đãi thuế cho thời gian ưu đãi còn lại tương ứng với các điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng ưu đãi đầu tư (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy phép thành lập đến trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm bị điều chỉnh ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO (hết ngày 31/12/2011).*

*Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo với cơ quan Thuế việc lựa chọn hưởng ưu đãi thuế quy định tại khoản này.”*

- Căn cứ Thông tư số 199/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt ưu đãi theo cam kết WTO:

+ Tại Điều 2 quy định về nguyên tắc lựa chọn chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN.

+ Tại Khoản 3 Điều 3 quy định về phương thức lựa chọn chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN:

“3...Trường hợp doanh nghiệp đang còn trong thời gian miễn thuế, thời gian giảm thuế hoặc đã hết thời gian miễn thuế, còn thời gian giảm thuế và khi thực hiện chuyển đổi ưu đãi nếu có số năm đã được miễn thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu vượt quá số năm được miễn theo phương án lựa chọn khi chuyển đổi do đáp ứng các điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng tỷ lệ xuất khẩu) thì cứ 01 năm đã được miễn thuế TNDN vượt quá sẽ trừ 02 năm giảm 50% thuế TNDN.

...”

+ Tại Điều 4 quy định về thủ tục thực hiện chuyển đổi ưu đãi:

“Điều 4. Thủ tục thực hiện chuyển đổi ưu đãi

Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp việc lựa chọn phương án hưởng ưu đãi thuế theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời hạn gửi thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế là thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2012 theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp đã kê khai hưởng ưu đãi thuế TNDN (kể cả đã thông báo với cơ quan thuế) mà mức ưu đãi lựa chọn thực hiện chuyển đổi thấp hơn mức ưu đãi quy định tại Thông tư này hoặc không phù hợp với việc lựa chọn chuyển đổi ưu đãi theo quy định tại Thông tư này thì được kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý thuế, đồng thời phải có văn bản thông báo lại cho cơ quan thuế việc lựa chọn mức ưu đãi phù hợp với việc chuyển đổi ưu đãi theo quy định tại Thông tư này.”

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp:

+ Tại Điều 11 quy định về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

“1. Kể từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi.

...Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20%.”

+ Tại Điều 18 quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

“1. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

2. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.



Trường hợp trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp không tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

Trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc chi phí được trừ của doanh nghiệp.

... ”

+ Tại Khoản 4 Điều 20 quy định ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế; Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.”

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, quy định:

“Điều 7. Bổ sung Khoản 8, Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“8. Doanh nghiệp còn thời gian hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu nhưng bị ngừng ưu đãi thuế do thực hiện cam kết với Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đối với hoạt động dệt, may từ 11/01/2007 và hoạt động khác từ 01/01/2012 thì được lựa chọn kết hợp không đồng thời, không đồng bộ ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế để tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại kể từ năm 2007 đối với hoạt động dệt, may hoặc kể từ năm 2012 đối với hoạt động khác, tương ứng với các điều kiện ưu đãi thuế mà thực tế doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập đến trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm bị điều chỉnh ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO.

Trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn phương án chuyển đổi theo văn bản trước đây (không phân biệt trường hợp doanh nghiệp đã hoặc chưa được kiểm tra, thanh tra thuế), nếu thực hiện chuyển đổi theo hướng dẫn tại Thông tư này có lợi hơn thì doanh nghiệp được phép lựa chọn chuyển đổi lại theo hướng dẫn tại Thông tư này. Doanh nghiệp thực hiện khai điều chỉnh, bổ sung theo quy

định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý thuế và không bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với hành vi khai sai do điều chỉnh lại. Trường hợp sau khi khai điều chỉnh, bổ sung doanh nghiệp có số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp thì được bù trừ với số thuế phải nộp của kỳ thuế tiếp theo hoặc được hoàn lại số đã nộp thừa theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh theo cam kết WTO đối với hoạt động dệt may theo các văn bản trước đây nếu bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế, tính tiền chậm nộp và doanh nghiệp đã thực hiện nộp tiền phạt và tiền chậm nộp thì không thực hiện điều chỉnh lại”.

- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính:

+ Tại Khoản 1 Điều 10 sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“3. Không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và không áp dụng thuế suất 20% (bao gồm cả doanh nghiệp thuộc diện áp dụng thuế suất 20% theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 78/2014/TT-BTC) đối với các khoản thu nhập sau:

a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ thu nhập từ đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC); thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.

b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản.

c) Thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.”

+ Tại Khoản 2 Điều 10 sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư xác định ưu đãi như sau:

...

b) Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh

trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập nêu tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.”

+ Tại khoản 4 Điều 10 sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 6 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

**“6. Về đầu tư mở rộng**

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động như mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (gọi chung là dự án đầu tư mở rộng) thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (bao gồm cả khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và Khu công nghiệp nằm trên địa bàn các đô thị loại I trực thuộc tỉnh) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại điểm này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại thì dự án đầu tư mở rộng đó phải thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP đồng thời cũng thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn với dự án đang hoạt động.

Dự án đầu tư mở rộng quy định tại điểm này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ 20 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP hoặc từ 10 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

- Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi đầu tư.

- Công suất thiết kế khi đầu tư mở rộng tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế theo luận chứng kinh tế kỹ thuật trước khi đầu tư ban đầu...”

+ Tại khoản 1 Điều 13 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“2a. Doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu tư hoặc đã thực hiện đầu tư trong giai đoạn năm 2009 - năm 2013, tính đến kỳ tính thuế năm 2014 đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế (lĩnh vực ưu đãi hoặc địa bàn ưu đãi bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) theo quy định của Luật số 32/2013/QH13, Luật số



71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì được hưởng ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng theo quy định của Luật số 32/2013/QH13; Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015.”

- Căn cứ hồ sơ đơn vị cung cấp.

Căn cứ các quy định và hồ sơ trên:

## **1. Chính sách ưu đãi thuế áp dụng cho nhà máy 1**

### **1.1. Đối với dự án đầu tư mới năm 2005:**

Trường hợp Công ty đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp chế xuất mới thành lập trong lĩnh vực sản xuất được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP của Chính phủ: thuế suất 10% trong 15 năm kể từ cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo (mức ưu đãi trên đã được ghi trong Giấy phép đầu tư lần đầu, Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu).

### **1.2. Đối với các lần tăng vốn năm 2006-2008:**

+ Nếu phân tăng vốn năm 2006 để thực hiện tiếp dự án đầu tư năm 2005 khi dự án chưa đi vào hoạt động (mà không đáp ứng là đầu tư mở rộng) áp dụng mức ưu đãi như đối với dự án đầu tư năm 2005.

+ Nếu phân tăng vốn năm 2007, 2008 đáp ứng là đầu tư mở rộng (xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, ...) thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh và có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo, không được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

### **1.3. Chuyển tiếp ưu đãi do chấm dứt ưu đãi đáp ứng theo điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu:**

Kể từ ngày 01/01/2012, công ty không còn được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu. Các phương án ưu đãi thuế TNDN kể từ ngày 01/01/2012 mà công ty có thể lựa chọn theo điều kiện cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Công nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 199/2012/TT-BTC hoặc lựa chọn kết hợp không đồng thời, không đồng bộ ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính như sau:

a) Tại thời điểm cấp Giấy phép thành lập (ngày 06/12/2004): Căn cứ Nghị định số 164/2003/NĐ-CP, Nghị định số 152/2004/NĐ-CP, Công ty đáp ứng điều kiện là cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Công nghiệp được hưởng ưu đãi: thuế suất 15% trong 12 năm từ năm tài chính 2006 đến hết năm tài chính 2017; miễn thuế 03 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp kể từ Kỳ tính thuế Công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế (chưa trừ số lỗ các Kỳ tính thuế trước chuyển sang).

Do đến hết ngày 31/12/2011, số năm Công ty đã được miễn thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu (4 năm) vượt quá số năm được miễn thuế theo điều kiện nêu trên (03 năm) nên khi thực hiện chuyển đổi ưu đãi thuế kể từ ngày 01/01/2012 thì 01 năm đã được miễn thuế TNDN vượt quá sẽ trừ 02 năm giảm 50% thuế TNDN.

Như vậy, từ ngày 01/01/2012, công ty còn được giảm 50% số thuế phải nộp từ ngày 01/01/2012 đến hết năm tài chính 2016 (7 năm trừ 2 năm giảm do công ty đã miễn vượt quá 1 năm)

b) Tại thời điểm chấm dứt ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO:

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ, công ty không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu Công nghiệp.

- Trong các phương án lựa chọn nêu trên chỉ có 01 phương án (a) được hưởng ưu đãi thuế TNDN, trường hợp công ty lựa chọn phương án này thì kể từ ngày 01/01/2012, công ty còn được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như sau:

+ Ưu đãi về thuế suất: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% từ ngày 01/01/2012 đến hết năm tài chính 2017.

+ Ưu đãi về miễn thuế: Công ty hưởng hết ưu đãi về thời gian miễn thuế. Kể từ ngày 1/1/2012, công ty không được miễn thuế TNDN.

+ Ưu đãi về giảm thuế: Giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ ngày 01/01/2012 đến hết năm tài chính 2016.

## **2. Đối với dự án đầu tư mở rộng năm 2010 (thành lập nhà máy 2):**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động như mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (gọi chung là dự án đầu tư mở rộng) thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định nếu đáp ứng một trong các tiêu chí đầu tư mở rộng quy định tại Luật số 32/2013/QH13 thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư phát sinh doanh thu.

Doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu tư hoặc đã thực hiện đầu tư trong giai đoạn năm 2009 - năm 2013, tính đến kỳ tính thuế năm 2014 đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế (lĩnh vực ưu đãi hoặc địa bàn ưu đãi bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ

cao) theo quy định của Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì được hưởng ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng theo quy định của Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015.

3. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.

Trường hợp trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp không tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

Trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc chi phí được trừ của doanh nghiệp.

#### 4. Đối với thu nhập từ hoạt động phân phối hàng hóa:

Nội dung vướng mắc liên quan đến thu nhập từ hoạt động phân phối hàng hóa, Cục Thuế TP Hà Nội đã có công văn báo cáo, xin ý kiến Tổng cục Thuế. Khi nhận được văn bản của Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội sẽ hướng dẫn đơn vị thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Công ty TNHH Kai Việt Nam được biết và thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT1; TTra2; TTra3;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (8, 3)



Mai Sơn